

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:49/2016/QĐ-UBND

Tuy Hòa, ngày 12 tháng 9 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định quản lý, bảo trì và bảo vệ
kết cấu hạ tầng đường địa phương trên địa bàn tỉnh Phú Yên**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 46/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2015 Về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 Về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; số 100/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2013 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; số 18/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2012 về Quỹ bảo trì đường bộ; số 56/2014/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2014 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 18/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ về Quỹ bảo trì đường bộ;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Giao thông Vận tải: Số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 Hướng dẫn thực hiện một số điều của nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; số 30/2010/TT-BGTVT ngày 01/10/2010 Quy định về phòng, chống và khắc phục hậu quả lụt, bão trong ngành đường bộ; số 52/2013/TT-BGTVT ngày 12 tháng 12 năm 2013 Quy định về quản lý, khai thác và bảo trì công trình đường bộ; số 20/2014/TT-BGTVT ngày 30 tháng 5 năm 2014 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 52/2013/TT-BGTVT ngày 12 tháng 12 năm 2013 của Bộ Giao thông Vận tải; số 12/2014/TT-BGTVT ngày 29 tháng 4 năm 2014 Hướng dẫn quản lý, vận hành khai thác cầu trên đường giao thông nông thôn; số 32/2014/TT-BGTVT ngày 08 tháng 8 năm 2014 Hướng dẫn về quản lý, vận hành khai thác đường giao thông nông thôn;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông Vận tải tại Tờ trình số 81/TTr-SGTVT ngày 11/8/2016 về việc ban hành Quy định quản lý, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng đường địa phương trên địa bàn tỉnh Phú Yên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng đường địa phương trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 22 tháng 9 năm 2016.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Giao thông vận tải, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Hoàng Văn Trà

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH
QUẢN LÝ, BẢO TRÌ VÀ BẢO VỆ KẾT CẤU HẠ TẦNG ĐƯỜNG ĐỊA
PHƯƠNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH PHÚ YÊN
(Ban hành kèm theo Quyết định số 49/2016/QĐ-UBND
ngày 12/9/2016 của UBND tỉnh Phú Yên)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định về quản lý, vận hành khai thác, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng đối với hệ thống đường tỉnh, đường huyện, đường đô thị, đường giao thông nông thôn và đường chuyên dùng trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

2. Việc quản lý, vận hành khai thác cầu trên đường giao thông nông thôn theo Thông tư số 12/2014/TT-BGTVT ngày 29 tháng 4 năm 2014 của Bộ Giao thông Vận tải hướng dẫn quản lý, vận hành khai thác cầu trên đường giao thông nông thôn.

3. Những nội dung không được đề cập tại Quy định này, được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến công tác quản lý, vận hành khai thác, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Đường giao thông nông thôn (sau đây gọi chung là đường GTNT) là các tuyến nối tiếp từ hệ thống quốc lộ, tỉnh lộ, huyện lộ đến tận các làng mạc, thôn xóm, ruộng đồng, trang trại, các cơ sở sản xuất, chăn nuôi,... phục vụ sản xuất nông – lâm – ngư nghiệp và phát triển kinh tế - văn hóa – xã hội của các địa phương. Hệ thống đường GTNT bao gồm: Đường xã, đường thôn, đường ngõ xóm, đường trục chính nội đồng (hoặc đường vào khu vực sản xuất).

2. Đường chuyên dùng là đường chuyên phục vụ cho việc vận chuyển, đi lại của một hoặc một số cơ quan, tổ chức cá nhân.

3. Cơ quan quản lý đường bộ địa phương là Sở Giao thông Vận tải, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện); Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã).

4. Chủ quản lý sử dụng đường là tên gọi chung của tổ chức được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao quản lý, vận hành khai thác và sử dụng đường do Nhà nước đầu tư; Chủ đầu tư đối với đường không do Nhà nước góp vốn đầu tư; cộng đồng dân cư đối với đường do cộng đồng đóng góp hoặc các tổ chức cá nhân, đóng góp vốn đầu tư xây dựng, quản lý, vận hành khai thác và bảo trì.

5. Đơn vị (nhà thầu) quản lý, bảo trì đường bộ là tổ chức, cá nhân được cơ quan quản lý đường bộ, doanh nghiệp đầu tư và quản lý khai thác công trình đường bộ, chủ sở hữu công trình đường bộ chuyên dùng giao nhiệm vụ hoặc hợp đồng thực hiện một hoặc một số công việc bảo trì và khai thác công trình đường bộ. Nhà thầu bảo trì đường bộ bao gồm: Nhà thầu quản lý, bảo dưỡng và khai thác công trình đường bộ; nhà thầu thi công sửa chữa và các nhà thầu khác tham gia thực hiện các công việc bảo trì công trình đường bộ.

6. Công tác bảo trì công trình đường bộ bao gồm: Công tác bảo dưỡng thường xuyên, sửa chữa định kỳ và sửa chữa đột xuất.

a) Bảo dưỡng thường xuyên đường bộ là các thao tác kỹ thuật được làm thường xuyên nhằm phòng ngừa và khắc phục kịp thời những hư hỏng nhỏ của các bộ phận công trình. Công việc này được thực hiện thường xuyên, liên tục trong suốt cả năm, nhằm hạn chế tối đa sự phát triển từ hư hỏng nhỏ thành hư hỏng lớn, để đảm bảo giao thông vận tải đường bộ được an toàn, thông suốt và êm thuận.

b) Sửa chữa định kỳ là sửa chữa những hư hỏng, khắc phục những biểu hiện xuống cấp của bộ phận, kết cấu công trình đường bộ có thể ảnh hưởng đến chất lượng khai thác đường bộ và gây mất an toàn giao thông nhằm khôi phục chất lượng ban đầu cho công trình.

c) Sửa chữa đột xuất là công việc sửa chữa công trình đường bộ chịu các tác động đột xuất như gió, bão, lũ lụt, động đất, va đập, cháy nổ hoặc những tác động đột xuất khác dẫn tới những hư hỏng, xuống cấp cần được sửa chữa kịp thời để đảm bảo giao thông liên tục.

Điều 4. Phân cấp quản lý, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ trên địa bàn tỉnh Phú Yên

1. Sở Giao thông Vận tải: Là chủ quản lý sử dụng, thực hiện công tác quản lý, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng hệ thống đường tỉnh và các tuyến đường khác do UBND tỉnh giao quản lý.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện: Là chủ quản lý sử dụng, thực hiện công tác quản lý, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng hệ thống đường huyện, đường đô thị thuộc địa bàn quản lý và các tuyến đường khác do UBND tỉnh giao quản lý.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã: Là chủ quản lý sử dụng, thực hiện công tác quản lý, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng hệ thống đường giao thông nông thôn thuộc địa bàn quản lý và các tuyến đường khác do UBND huyện giao quản lý.

4. Đối với đường GTNT do cộng đồng dân cư đóng góp hoặc các tổ chức, cá nhân đóng góp vốn đầu tư xây dựng thì Chủ đầu tư là chủ quản lý sử dụng, chịu trách nhiệm thực hiện công tác quản lý, vận hành khai thác, bảo trì và tổ chức giao thông trên đường thuộc địa bàn quản lý. Trường hợp Chủ đầu tư không thực hiện chức năng làm chủ quản lý sử dụng, thì phải thỏa thuận giao UBND cấp xã làm chủ quản lý sử dụng.

5. Đường chuyên dùng thì Chủ đầu tư là chủ quản lý sử dụng, chịu trách nhiệm thực hiện công tác quản lý, vận hành khai thác, bảo trì và tổ chức giao thông trên đường theo các quy định hiện hành.

Chương II CÔNG TÁC QUẢN LÝ VÀ BẢO TRÌ CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG BỘ

Điều 5. Yêu cầu về quản lý, bảo trì và nội dung thực hiện bảo trì công trình đường bộ

1. Yêu cầu về quản lý, bảo trì công trình đường bộ thực hiện theo quy định tại Điều 3 Thông tư 52/2013/TT-BGTVT ngày 12/12/2013 của Bộ Giao thông Vận tải.

2. Nội dung công tác bảo trì đường bộ thực hiện theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 52/2013/TT-BGTVT ngày 12/12/2013 của Bộ Giao thông Vận tải.

Điều 6. Quy trình bảo trì và khai thác công trình đường bộ

1. Trách nhiệm, nội dung lập quy trình bảo trì và khai thác công trình đường bộ thực hiện theo quy định tại các Điều 6, 7 và 10 của Thông tư số 52/2013/TT-BGTVT ngày 12/12/2013 của Bộ Giao thông Vận tải.

2. Việc thẩm định, phê duyệt quy trình bảo trì công trình đường bộ được thực hiện như sau:

a) Đối với các dự án đầu tư xây dựng mới công trình đường bộ:

- Chủ đầu tư có trách nhiệm tiếp nhận quy trình bảo trì do nhà thầu tư vấn thiết kế xây dựng công trình và nhà thầu cung cấp thiết bị lắp đặt vào công trình; tổ chức thẩm định và phê duyệt trước khi nghiệm thu bàn giao công trình đưa vào sử dụng.

- Chủ đầu tư có thể thuê tư vấn thẩm tra một phần hoặc toàn bộ quy trình bảo trì công trình do nhà thầu thiết kế lập để làm cơ sở cho việc thẩm định, phê duyệt.

- Đối với công trình đầu tư xây dựng theo hình thức hợp đồng BOT, BTO và BT thì doanh nghiệp dự án (nhà đầu tư) có trách nhiệm tổ chức thẩm định, phê duyệt quy trình bảo trì sau khi thỏa thuận với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ký kết hợp đồng dự án.

- Đối với đường chuyên dùng, chủ sở hữu công trình đường bộ chuyên dùng chịu trách nhiệm tổ chức lập, thẩm định và phê duyệt quy trình bảo trì theo quy định tại Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ và các quy định tại Quy định này.

b) Đối với các công trình xây dựng đã đưa vào khai thác, sử dụng nhưng chưa có quy trình bảo trì, trách nhiệm thẩm định, phê duyệt như sau:

- Sở Giao thông Vận tải thẩm định, phê duyệt quy trình bảo trì đường bộ đối với các công trình trên các tuyến tỉnh lộ, công trình cầu có chiều dài từ 60m trở lên và công trình đường bộ có kết cấu phức tạp trên địa bàn tỉnh.

- Ủy ban nhân dân cấp huyện thẩm định, phê duyệt đối với các công trình đường huyện, đường giao thông nông thôn, đường đô thị thuộc phạm vi quản lý.

- Đối với các tuyến đường chuyên dùng do Chủ đầu tư, chủ sở hữu công trình thẩm định và phê duyệt.

3. Riêng đối với các công trình đặc biệt trên đường GTNT (gồm bến phà đường bộ, đường ngầm, hầm đường bộ) thì nội dung, tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt quy trình quản lý, vận hành khai thác thực hiện theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 của Thông tư 32/2014/TT-BGTVT ngày 08/8/2014 của Bộ Giao thông Vận tải.

4. Trong quá trình thực hiện, nếu thấy những yếu tố bất hợp lý, ảnh hưởng tới an toàn, khả năng khai thác, chất lượng và tuổi thọ công trình đường bộ, cơ quan quản lý đường bộ, chủ sở hữu công trình đường bộ được quyền điều chỉnh quy trình bảo trì và trình cơ quan có thẩm quyền quy định tại điểm b, khoản 2 và khoản 3 Điều này để phê duyệt.

Điều 7. Lập, phê duyệt và điều chỉnh kế hoạch bảo trì công trình đường bộ

1. Lập kế hoạch bảo trì công trình đường bộ sử dụng vốn Nhà nước:

a) Sở Giao thông Vận tải chịu trách nhiệm lập kế hoạch bảo trì hệ thống đường tỉnh và các tuyến đường khác do UBND tỉnh giao quản lý.

b) UBND cấp huyện chịu trách nhiệm lập kế hoạch bảo trì hệ thống đường huyện, đường GTNT, đường đô thị trong phạm vi quản lý và các tuyến đường khác do UBND tỉnh giao quản lý.

2. Phê duyệt kế hoạch bảo trì công trình đường bộ sử dụng vốn Nhà nước:

Hàng năm, Sở Giao thông Vận tải, UBND cấp huyện có trách nhiệm xây dựng kế hoạch thực hiện, đề xuất nhu cầu sử dụng vốn gửi Sở Tài chính thẩm định kế hoạch và dự toán kinh phí bảo trì công trình đường bộ địa phương và trình UBND tỉnh phê duyệt để triển khai thực hiện.

3. Việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch bảo trì công trình đường bộ sử dụng vốn nhà nước do UBND tỉnh quyết định trên cơ sở đề nghị của cơ quan quản lý đường bộ và Sở Tài chính.

4. Đối với công trình BOT và công trình dự án khác, kế hoạch bảo trì và chi phí bảo trì công trình đường bộ hàng năm phải được quy định trong hợp đồng dự án, làm căn cứ cho việc bảo trì công trình đường bộ trong giai đoạn khai thác công trình. Nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án lập kế hoạch bảo trì công trình đường bộ hàng năm, gửi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ký kết hợp đồng dự án để thỏa thuận trước khi phê duyệt triển khai thực hiện.

Điều 8. Thực hiện kế hoạch bảo trì công trình đường bộ

1. Căn cứ kế hoạch bảo trì hàng năm được UBND tỉnh phê duyệt, Sở Giao thông Vận tải, UBND cấp huyện tổ chức triển khai thực hiện.

2. Đối với công trình BOT và công trình dự án khác, doanh nghiệp dự án căn cứ kế hoạch và chi phí bảo trì quy định tại khoản 4, Điều 7 của Quy định này để tổ chức thực hiện, đảm bảo an toàn giao thông và thông suốt.

3. Đối với công trình đường bộ chuyên dùng, chủ sở hữu công trình tổ chức thực hiện kế hoạch bảo trì công trình do mình đầu tư, quản lý và chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý Nhà nước theo quy định.

4. Sửa chữa đột xuất công trình đường bộ:

a) Công trình, bộ phận công trình đường bộ bị hư hỏng do chịu tác động đột xuất như mưa bão, lũ lụt, động đất, va đập, cháy nổ hoặc những tác động đột xuất khác, Sở Giao thông Vận tải, UBND cấp huyện và chủ quản lý đường chuyên dùng chủ động triển khai ngay công tác đảm bảo giao thông bước 1 để phục vụ việc đi lại an toàn, thuận lợi.

b) Sở Giao thông Vận tải tham mưu đề xuất kịp thời các giải pháp kỹ thuật xử lý sửa chữa, khắc phục các công trình đường bộ trên địa bàn tỉnh bị hư hỏng đột xuất, có tính chất nghiêm trọng, ảnh hưởng đến an toàn công trình và gây ách tắc giao thông.

Điều 9. Kiểm tra, sửa chữa, đánh giá sự an toàn và quản lý chất lượng công tác bảo trì đường bộ

Việc kiểm tra, sửa chữa, đánh giá sự an toàn và quản lý chất lượng công tác bảo trì đường bộ thực hiện theo quy định tại các Điều 20 và 21 Thông tư số 52/2013/TT-BGTVT ngày 12/12/2013 của Bộ Giao thông Vận tải.

Điều 10. Xử lý đối với công trình, bộ phận công trình đường bộ hư hỏng không bảo đảm an toàn cho khai thác, công trình hết tuổi thọ thiết kế và thủ tục chấp thuận tiếp tục sử dụng đối với công trình đường bộ hết tuổi thọ thiết kế

1. Việc xử lý đối với công trình, bộ phận công trình đường bộ hư hỏng không bảo đảm an toàn cho khai thác, công trình hết tuổi thọ thiết kế thực hiện theo quy định tại Điều 23 Thông tư số 52/2013/TT-BGTVT ngày 12/12/2013 của Bộ Giao thông Vận tải.

2. Về thủ tục chấp thuận tiếp tục sử dụng đối với công trình đường bộ hết tuổi thọ thiết kế thực hiện theo quy định tại Điều 23 Thông tư số 52/2013/TT-BGTVT ngày 12/12/2013 của Bộ Giao thông Vận tải.

Điều 11. Thực hiện công tác quản lý công trình đường bộ

1. Lưu trữ và quản lý hồ sơ hoàn công, quy trình bảo trì và hồ sơ tài liệu khác của công trình đường bộ xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo, sửa chữa định kỳ, sửa chữa đột xuất.

2. Lập hồ sơ quản lý công trình đường bộ:

a) Đối với cầu đường bộ: Gồm các tài liệu trích từ hồ sơ hoàn công của cầu, hồ sơ hệ móc cao độ, bình đồ, mặt cắt dọc, mặt cắt ngang cầu, mặt cắt địa chất, hồ sơ bồi thường GPMB, hồ sơ mốc lộ giới, hành lang an toàn cầu; hồ sơ kiểm định, hồ sơ cấp phép thi công; lập sổ lý lịch cầu, cập nhật kết quả các đợt kiểm tra, kiểm định, sửa chữa định kỳ, sửa chữa đột xuất; sổ tuần tra, kiểm tra cầu.

b) Đối với đường bộ: Gồm các tài liệu trích từ hồ sơ hoàn công như bình đồ, mặt cắt dọc, mặt cắt ngang, mặt cắt địa chất, hệ thống thoát nước, hồ sơ bồi thường GPMB, hồ sơ mốc lộ giới, hồ sơ cấp phép xây dựng; lập bình đồ duỗi thẳng và cập nhật các biến động về tổ chức giao thông, sử dụng đất dành cho đường bộ; sổ tuần tra, cập nhật số liệu về đếm xe (lưu lượng, tải trọng xe); cập nhật kết quả các đợt kiểm tra, sửa chữa định kỳ, sửa chữa đột xuất.

c) Công trình kè, cống và các công trình nhân tạo tương tự, ngoài việc quản lý bảo dưỡng thường xuyên, phải lập kế hoạch kiểm tra, theo dõi riêng.

3. Lập hồ sơ quản lý hành lang an toàn đường bộ:

a) Hồ sơ quản lý hành lang an toàn đường bộ bao gồm tình trạng sử dụng đất hành lang an toàn đường bộ, các công trình ảnh hưởng đến an toàn đường bộ, an toàn giao thông; vi phạm, thời điểm vi phạm và quá trình xử lý vi phạm.

b) Hồ sơ đầu nối đường nhánh phải lập riêng để theo dõi và cập nhật bổ sung các vi phạm liên quan đến đầu nối đường nhánh để làm việc với các cấp có thẩm quyền và chính quyền địa phương nhằm đảm bảo an toàn giao thông đường bộ.

c) Lập hồ sơ quản lý hệ thống hạ tầng kỹ thuật bao gồm hồ sơ hoàn công các công trình hạ tầng kỹ thuật nằm trong hành lang an toàn đường bộ, giấy phép thi công và các văn bản liên quan khác.

4. Tổ chức thực hiện quản lý, bảo vệ công trình đường bộ; phối hợp với công an, UBND các cấp quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

5. Theo dõi tình hình hư hại công trình đường bộ; tổ chức tuần tra, kiểm tra thường xuyên, phát hiện kịp thời hư hỏng và các hành vi vi phạm kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, tiến hành xử lý theo thẩm quyền hoặc đề nghị UBND các cấp xử lý theo quy định.

6. Kiểm tra tình trạng kỹ thuật định kỳ tháng, quý, năm; kiểm tra đột xuất sau mỗi đợt lụt, bão hoặc các tác động bất thường khác.

7. Thực hiện đếm xe, phân tích số liệu và đánh giá sự tăng trưởng của lưu lượng, kiểu loại phương tiện cơ giới đường bộ.

8. Thực hiện quản lý tải trọng, khô giới hạn xe; tổ chức cấp giấy lưu hành cho xe bánh xích, xe quá khổ giới hạn, quá tải trọng công trình đường bộ; kiểm tra tải trọng xe ở các trạm kiểm tra tải trọng xe cố định hoặc tạm thời và xử lý theo quy định; phân tích đánh giá tác động do hoạt động của xe quá khổ, quá tải ảnh hưởng đến sự bền vững công trình đường bộ.

9. Lập biểu mẫu theo dõi số vụ tai nạn, xác định nguyên nhân ban đầu và thiệt hại do tai nạn. Phối hợp với cơ quan công an, chính quyền địa phương để giải quyết tai nạn giao thông theo thẩm quyền.

10. Phân làn, phân luồng, tổ chức giao thông; thường xuyên rà soát, điều chỉnh hệ thống báo hiệu đường bộ cho phù hợp; lập hồ sơ điểm đen, xử lý và theo dõi kết quả các điểm đen đã được xử lý.

11. Trục đảm bảo giao thông; theo dõi tình hình thời tiết, ngập lụt, các sự cố công trình, xử lý và báo cáo theo quy định.

12. Báo cáo định kỳ, đột xuất theo quy định.

Điều 12. Tiêu chuẩn kỹ thuật, định mức công tác quản lý, bảo trì

1. Tiêu chuẩn kỹ thuật và định mức sửa chữa định kỳ, sửa chữa đột xuất đường bộ: Áp dụng theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật và định mức như quy định đối với công trình xây dựng cơ bản.

2. Tiêu chuẩn kỹ thuật và định mức bảo dưỡng thường xuyên đường bộ.

a) Áp dụng theo tiêu chuẩn kỹ thuật về bảo dưỡng thường xuyên đường bộ hiện hành do Tổng cục Đường bộ Việt Nam ban hành (TCCS 07:2013/TCĐBVN).

b) Áp dụng theo Định mức bảo dưỡng thường xuyên đường bộ.

c) Đối với các công tác duy tu, bảo dưỡng không có trong định mức bảo dưỡng thường xuyên đường bộ thì áp dụng các định mức tương ứng của ngành khác đã được cơ quan có thẩm quyền ban hành.

3. Các công trình, thiết bị lắp đặt vào công trình có tiêu chuẩn cơ sở hoặc quy trình bảo trì riêng, ngoài việc thực hiện các quy định tại khoản 1 và 2 Điều này còn được áp dụng tiêu chuẩn cơ sở, quy trình bảo trì riêng để bảo dưỡng, sửa chữa và bảo trì công trình, thiết bị lắp đặt vào công trình đường bộ.

Điều 13. Công tác bảo dưỡng thường xuyên đường bộ

1. Phương thức thực hiện:

a) Đối với hệ thống đường tỉnh, đường huyện, đường đô thị: Thực hiện theo phương thức đặt hàng hoặc đấu thầu.

b) Đối với đường giao thông nông thôn: Thực hiện theo phương thức Nhà nước và nhân dân cùng làm.

c) Đối với hệ thống đường chuyên dùng, phương thức thực hiện do chủ quản lý công trình quyết định.

2. Chủ quản lý sử dụng đường bộ giao bộ phận chuyên môn trực thuộc hoặc đơn vị nhận quản lý, bảo trì đường bộ lập dự toán, giá sản phẩm cho công tác bảo dưỡng thường xuyên.

Dự toán và giá sản phẩm được lập trên cơ sở hiện trạng đường và công trình đường bộ trên tuyến, hạn mức kinh phí được cấp và định mức bảo dưỡng thường xuyên hiện hành và các định mức kinh tế kỹ thuật hiện hành.

Sở Giao thông Vận tải là cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt dự toán, giá sản phẩm đối với các tuyến đường tỉnh và đường khác do UBND tỉnh giao quản lý.

UBND cấp huyện là cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt dự toán, giá sản phẩm đối với các tuyến đường huyện, đường giao thông nông thôn, đường đô thị trong phạm vi quản lý và đường khác do UBND tỉnh giao quản lý.

3. Thực hiện công tác bảo dưỡng thường xuyên:

a) Đối với đường giao thông nông thôn: Cơ quan quản lý đường bộ phân chia và giao các tuyến đường cho các xã, thôn chịu trách nhiệm quản lý, huy động lao động công ích hoặc lao động tự nguyện để thực hiện duy tu, sửa chữa, Nhà nước cấp tiền theo hạn mức để mua vật tư, vật liệu và chi phí khác.

Các công việc bảo dưỡng thường xuyên chủ yếu gồm: Tuàn đường (kiểm tra thường xuyên); sửa chữa nhỏ (ổ gà, bong bật, lún cục bộ); phát cây, cắt cỏ; thông cống, khơi rãnh khi mưa; hót đất sứt, bạt lề đường; vệ sinh mặt đường.

b) Đối với đường tỉnh, đường huyện: Thực hiện khoán theo mục tiêu công tác bảo dưỡng thường xuyên, tổ chức đấu thầu để lựa chọn nhà thầu quản lý, bảo trì đường bộ; thời gian thực hiện bắt đầu từ năm 2017.

Các yêu cầu về chất lượng và tiêu chí giám sát, nghiệm thu công tác bảo dưỡng thường xuyên đối với đường tỉnh và đường huyện thực hiện theo Quyết định số 2196/QĐ-BGTVT ngày 29/7/2013 của Bộ Giao thông Vận tải.

Điều 14. Công tác sửa chữa định kỳ đường bộ

Công tác sửa chữa định kỳ đường bộ thực hiện theo đúng các quy định hiện hành về đầu tư xây dựng cơ bản công trình.

Điều 15. Công tác sửa chữa đột xuất đường bộ

1. Công tác khắc phục hậu quả bão lũ thực hiện theo đúng quy định tại Thông tư số 30/2010/TT-BGTVT ngày 01/10/2010 của Bộ Giao thông Vận tải Quy định về phòng chống và khắc phục hậu quả lụt bão trong ngành đường bộ.

2. Khắc phục hậu quả do các nguyên nhân đột xuất khác:

Khi xảy ra thiệt hại công trình đường bộ do các nguyên nhân đột xuất khác, đơn vị quản lý đường bộ phải thực hiện ngay việc khắc phục, đảm bảo giao thông một cách nhanh nhất. Trình tự, thủ tục lập tương tự như quy định về khắc phục hậu quả bão lũ bước 1 quy định tại Điều 20 và 21 Thông tư 30/2010/TT-BGTVT ngày 01/10/2010 của Bộ Giao thông Vận tải.

Nguồn kinh phí và quản lý, sử dụng, thanh toán, quyết toán kinh phí khắc phục hậu quả do các nguyên nhân đột xuất khác theo quy định tại Điều 22, 23 Thông tư 30/2010/TT-BGTVT ngày 01/10/2010 của Bộ Giao thông Vận tải.

Điều 16. Nguồn kinh phí quản lý, bảo trì

1. Đối với hệ thống đường tỉnh được bố trí từ nguồn vốn của ngân sách tỉnh và các nguồn vốn hợp pháp khác.

2. Đối với hệ thống công trình hạ tầng đường bộ đô thị được bố trí từ nguồn vốn ngân sách tỉnh, ngân sách thành phố, thị xã và các nguồn vốn hợp pháp khác.

3. Đối với hệ thống đường huyện, đường GTNT được bố trí từ nguồn vốn của ngân sách cấp huyện, cấp xã và huy động các nguồn lực của địa phương, nguồn hỗ trợ của ngân sách tỉnh và các nguồn hợp pháp khác.

4. Đối với hệ thống đường chuyên dùng do chủ sở hữu công trình tự bố trí.

Chương III

BẢO VỆ, SỬ DỤNG, KHAI THÁC KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

Điều 17. Phạm vi hành lang đường bộ

Phạm vi hành lang an toàn đường bộ thực hiện theo quy định từ Điều 14 đến Điều 24 Nghị định số 11/2010/NĐ-CP, khoản 2 Điều 1 Nghị định 100/2013 ngày 03/9/2013 của Chính phủ về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

Điều 18. Cấm mốc lộ giới trên hệ thống đường tỉnh, đường huyện

1. Các cơ quan quản lý đường bộ có trách nhiệm rà soát, lập hồ sơ, giao cho đơn vị quản lý đường bộ tổ chức cấm mốc lộ giới trên hệ thống đường tỉnh, đường huyện (đường hiện trạng đang quản lý) ngoài khu vực quy hoạch đô thị, thời gian thực hiện trước quý IV/2018. Sau khi hoàn thành việc cấm mốc lộ giới, chủ quản lý sử dụng đường bộ tiến hành bàn giao cho UBND cấp xã để quản lý.

Riêng đối với các tuyến đường tỉnh, đường huyện đang đầu tư xây dựng thì Chủ đầu tư có trách nhiệm cấm mốc lộ giới trong quá trình thi công, bàn giao lại cho đơn vị quản lý sử dụng đường bộ và UBND cấp xã để quản lý.

2. Kinh phí cấm mốc lộ giới trên các tuyến đường đang khai thác:

- Đối với hệ thống đường tỉnh sử dụng nguồn ngân sách tỉnh;
- Đối với hệ thống đường huyện sử dụng nguồn ngân sách huyện.

Điều 19. Xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ

1. Định nghĩa và các yêu cầu về việc được phép xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ xác định theo Điều 12 Thông tư 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ Giao thông Vận tải.

2. Thẩm quyền chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ:

Trước khi trình cấp có thẩm quyền xây dựng dự án (kể cả công trình cải tạo, nâng cấp và công trình xây dựng mới), Chủ đầu tư dự án công trình phải gửi hồ sơ đề nghị được chấp thuận việc xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đến cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền để được xem xét giải quyết, cụ thể như sau:

a) Sở Giao thông Vận tải xem xét chấp thuận đối với các công trình trên hệ thống đường tỉnh và đường khác do UBND tỉnh giao quản lý.

b) UBND cấp huyện xem xét chấp thuận đối với các công trình trên hệ thống đường bộ do địa phương quản lý và đường khác do UBND tỉnh giao quản lý.

c) Chủ quản lý sử dụng đường chuyên dùng xem xét chấp thuận đối với các công trình trên hệ thống đường chuyên dùng do đơn vị quản lý.

d) Đối với các công trình xây dựng theo hình thức BOT, BTO, BT giao Sở Giao thông Vận tải xem xét chấp thuận trên cơ sở ý kiến của các đơn vị liên quan.

3. Trình tự thủ tục và hồ sơ đề nghị chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ thực hiện theo Điều 13 Thông tư 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ Giao thông Vận tải.

Điều 20. Cấp phép thi công công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ

1. Thẩm quyền cấp phép thi công:

Trước khi thi công công trình, Chủ đầu tư dự án công trình phải gửi hồ sơ đề nghị cấp giấy phép thi công công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đến cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền để được xem xét giải quyết, cụ thể như sau:

a) Sở Giao thông Vận tải cấp giấy phép thi công đối với các công trình nằm trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên hệ thống đường tỉnh và đường khác do UBND tỉnh giao quản lý.

b) UBND cấp huyện cấp giấy phép thi công đối với các công trình nằm trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên hệ thống đường bộ do địa phương quản lý và đường khác do UBND tỉnh giao quản lý.

c) Chủ quản lý sử dụng đường chuyên dùng xem xét chấp thuận đối với các công trình trên hệ thống đường chuyên dùng do đơn vị quản lý.

d) Đối với các công trình xây dựng theo hình thức BOT, BTO, BT do Nhà đầu tư cấp giấy phép thi công.

2. Trình tự thủ tục và hồ sơ đề nghị cấp phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ thực hiện theo Điều 14 Thông tư 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ Giao thông Vận tải.

Điều 21. Đầu nối đường nhánh vào đường tỉnh

1. Đường nhánh đầu nối vào đường tỉnh gồm:

a) Đường huyện, đường GTNT, đường đô thị.

b) Đường dẫn ra vào các cửa hàng xăng dầu, bến xe, bãi đỗ xe, trạm dừng nghỉ trên đường tỉnh và các dự án được UBND tỉnh cho phép đầu tư xây dựng hoặc có ảnh hưởng đến phát triển kinh tế xã hội của các địa phương.

c) Đường chuyên dùng: Đường lâm nghiệp, đường vào khu khai thác mỏ, đường phục vụ thi công, đường vào Khu công nghiệp, đường nối trực tiếp từ công trình đơn lẻ của các cơ quan, đơn vị.

d) Đường gom, đường nối đường gom.

2. Khoảng cách tối thiểu giữa hai điểm đầu nối vào đường tỉnh tuân thủ theo quy định tại khoản 1 và 2 Điều 21 Thông tư 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ Giao thông Vận tải. Riêng vị trí đầu nối của đường dẫn ra, vào cửa hàng xăng dầu vào đường tỉnh phải nằm trong quy hoạch hệ thống cửa hàng xăng dầu do UBND tỉnh phê duyệt, đồng thời phải đảm bảo yêu cầu kỹ thuật theo đúng hướng dẫn của cơ quan quản lý đường bộ.

3. Sở Giao thông Vận tải phối hợp UBND cấp huyện căn cứ nhu cầu phát triển kinh tế xã hội và quy hoạch phát triển giao thông của địa phương để lập Quy hoạch chi tiết các điểm đầu nối trên hệ thống đường tỉnh để trình UBND tỉnh phê duyệt.

4. Chủ đầu tư dự án, công trình được giao sử dụng điểm đầu nối thuộc Quy hoạch các điểm đầu nối đã được phê duyệt phải căn cứ tiêu chuẩn, yêu cầu thiết kế đường ô tô hiện hành để lập và gửi hồ sơ đến Sở Giao thông Vận tải xem xét, chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức nút giao thông và cấp phép thi công xây dựng nút giao theo Quy định tại các Điều 22 và 23 của Quy định này.

5. Trường hợp cần thiết, có thể xem xét cho phép đầu nối tạm có thời hạn không quá 24 tháng để phục vụ thi công dự án, công trình. Chủ đầu tư của dự án, công trình phải liên hệ Sở Giao thông Vận tải để được chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức giao thông của nút giao tạm thời.

Điều 22. Chấp thuận thiết kế, phương án tổ chức nút giao thông của đường nhánh đầu nối vào đường tỉnh

Trước khi trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, Chủ đầu tư dự án, công trình phải gửi hồ sơ đến Sở Giao thông Vận tải để được xem xét chấp thuận thiết kế, phương án tổ chức nút giao thông đầu nối vào đường tỉnh.

Nội dung hồ sơ đề nghị, trình tự, cách thức và thời hạn thực hiện theo quy định tại các Khoản 3, 4 và 5 Điều 26 Thông tư 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ Giao thông Vận tải.

Điều 23. Cấp giấy phép thi công nút giao đầu nối vào đường tỉnh

1. Sau khi có văn bản chấp thuận thiết kế, phương án tổ chức nút giao thông đầu nối vào đường tỉnh của Sở Giao thông Vận tải, Chủ đầu tư hoặc nhà thầu thi công dự án, công trình phải thực hiện các thủ tục dưới đây:

a) Hoàn chỉnh hồ sơ thiết kế và phương án tổ chức nút giao thông theo ý kiến của Sở Giao thông Vận tải.

b) Tổ chức, thẩm định phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công công trình.

c) Gửi hồ sơ đến Sở Giao thông Vận tải đề nghị cấp phép thi công xây dựng.

2. Nội dung hồ sơ đề nghị, trình tự, cách thức và thời hạn thực hiện theo quy định tại các Khoản 2, 3 và 4 Điều 27 Thông tư 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ Giao thông Vận tải.

3. Nút giao phải được cơ quan cấp phép thi công nghiệm thu và chấp thuận đưa vào khai thác, sử dụng.

4. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm về chất lượng công trình nút giao ảnh hưởng đến an toàn giao thông, bền vững kết cấu công trình đường bộ và phải nộp 01 bộ hồ sơ hoàn công để cơ quan cấp phép thi công lưu trữ và bổ sung, cập nhật nút giao vào hồ sơ quản lý tuyến đường.

5. Chủ sử dụng nút giao chịu trách nhiệm bảo trì nút giao; việc bảo dưỡng thường xuyên nút giao không phải đề nghị cấp phép thi công nhưng phải chịu trách nhiệm nếu để xảy ra tai nạn giao thông; khi sửa chữa định kỳ nút giao phải đề nghị cấp phép thi công theo quy định tại Điều này.

**Chương IV
TỔ CHỨC THỰC HIỆN****Điều 24. Trách nhiệm các sở, ban, ngành của tỉnh**

1. Sở Giao thông Vận tải:

a) Thực hiện quyền, trách nhiệm quản lý Nhà nước đối với hệ thống đường địa phương; tổ chức thực hiện công tác quản lý, bảo trì các tuyến đường thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại Khoản 1 Điều 4 Quy định này và pháp luật có liên quan.

b) Báo cáo tổng hợp tình hình quản lý, bảo trì hệ thống đường bộ do địa phương quản lý gửi về UBND tỉnh và Tổng cục Đường bộ Việt Nam định kỳ 06 tháng và hàng năm trước ngày 08 tháng 01 của năm tiếp theo.

c) Thực hiện quyền, trách nhiệm khác đối với công tác quản lý và bảo trì công trình đường bộ thuộc hệ thống đường địa phương theo quy định của pháp luật có liên quan.

2. Sở Tài chính:

a) Hàng năm có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Giao thông Vận tải và UBND các huyện, thị xã, thành phố tham mưu UBND tỉnh cân đối, bố trí nguồn vốn ngân sách Nhà nước, phân bổ kinh phí từ nguồn vốn sự nghiệp và sự nghiệp có tính chất đầu tư hàng năm để thực hiện công tác quản lý, khai thác và bảo trì công trình đường bộ đối với hệ thống đường tỉnh, đường huyện, đường GTNT và đường đô thị trên địa bàn tỉnh theo đúng quy định của pháp luật.

b) Hướng dẫn, kiểm tra các cơ quan, tổ chức được giao quản lý theo phân cấp trong việc sử dụng kinh phí quản lý, khai thác và bảo trì công trình đường bộ đối với hệ thống đường tỉnh, đường huyện, đường xã và đường đô thị theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước nhằm phát huy hiệu quả vốn đầu tư.

3. Sở Xây dựng:

Có trách nhiệm thực hiện đầy đủ nội dung theo quy định tại Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 đối với việc quản lý chất lượng công trình giao thông trong đô thị (trừ công trình đường sắt, công trình cầu vượt sông và đường Quốc lộ).

4. Quỹ Bảo trì đường bộ tỉnh:

Chủ trì, phối hợp với Sở Giao thông Vận tải, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư và các đơn vị có liên quan tham mưu UBND tỉnh cân đối, phân bổ nguồn vốn từ Quỹ Bảo trì đường bộ Trung ương cho công tác quản lý, khai thác và bảo trì công trình đường bộ đối với hệ thống đường tỉnh, đường huyện, đường xã và đường đô thị đúng quy định.

Điều 25. Trách nhiệm của UBND cấp huyện, UBND cấp xã

1. Ủy ban nhân dân cấp huyện:

- Thực hiện quản lý, khai thác và bảo trì các tuyến đường theo quy định tại Khoản 2, Điều 4 Quy định này và pháp luật có liên quan;

- Giải tỏa các công trình ảnh hưởng đến phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ phù hợp với quy hoạch phát triển giao thông đường bộ và không ảnh hưởng đến an toàn công trình đường bộ và hoạt động giao thông vận tải.

- Tổ chức thực hiện cưỡng chế để giải tỏa vi phạm, lập lại trật tự hành lang an toàn đường bộ; ngăn chặn và chấm dứt tình trạng tái lấn, chiếm, sử dụng trái phép hành lang an toàn đường bộ.

- Phối hợp với đơn vị quản lý đường bộ, thanh tra đường bộ xử lý theo thẩm quyền các hành vi xâm phạm công trình đường bộ, các hành vi lấn, chiếm, sử dụng trái phép đất dành cho đường bộ.

- Định kỳ tổng hợp báo cáo Sở Giao thông Vận tải tình hình quản lý, bảo trì hệ thống đường bộ do mình quản lý, hàng quý trước ngày 10 của tháng cuối quý và hàng năm trước ngày 05 tháng 01 của năm tiếp theo để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Tổng cục Đường bộ Việt Nam.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã:

- Thực hiện quản lý, khai thác và bảo trì các tuyến đường theo quy định tại Khoản 3, Điều 4 Quy định này và pháp luật có liên quan;

- Tổ chức kiểm tra, hướng dẫn, đôn đốc cộng đồng dân cư, tổ chức, cá nhân trong việc thực hiện trách nhiệm đối với việc quản lý, vận hành khai thác đường GTNT thuộc quyền sở hữu của cộng đồng dân cư, tổ chức, cá nhân theo quy định tại Khoản 4, Điều 4 Quy định này.

- Hàng năm thống kê, phân loại các loại đường GTNT trên địa bàn; tổng hợp tình hình quản lý, vận hành khai thác đường GTNT, danh sách các công trình trên đường GTNT trên địa bàn bị hư hỏng, xuống cấp không đủ điều kiện khai thác an toàn để báo cáo và kiến nghị xử lý với UBND cấp huyện.

- Phát hiện và phối hợp với đơn vị quản lý đường bộ, Thanh tra đường bộ xử lý kịp thời, theo thẩm quyền các hành vi lấn, chiếm, sử dụng trái phép hành lang an toàn đường bộ.

- Tiếp nhận bàn giao và quản lý, bảo vệ mốc lộ giới.

Điều 26. Trách nhiệm của đơn vị quản lý, bảo trì đường bộ đối với đường đang khai thác và Chủ đầu tư đối với đường đang triển khai dự án xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo

1. Chịu trách nhiệm trước cơ quan quản lý đường bộ và các cơ quan có thẩm quyền trong việc tổ chức quản lý, khai thác và bảo trì công trình đường bộ do mình quản lý, bảo đảm giao thông an toàn, thông suốt và đúng quy định của pháp luật.

2. Chủ trì, phối hợp với UBND cấp huyện, cấp xã xây dựng phương án cấm mốc giới hạn xác định hành lang an toàn đường bộ trình UBND tỉnh phê duyệt; chủ trì, phối hợp với UBND cấp huyện, cấp xã công bố công khai và tổ chức việc cấm mốc lộ giới trên thực địa, bàn giao cho UBND cấp xã quản lý, bảo vệ phạm vi hành lang an toàn đường bộ đã được cấm mốc lộ giới.

3. Thường xuyên kiểm tra, phát hiện kịp thời các hành vi lấn, chiếm và sử dụng trái phép hành lang an toàn đường bộ. Khi phát hiện vi phạm phải yêu cầu đình chỉ hành vi vi phạm và thông báo ngay cho UBND cấp xã hoặc Thanh tra đường bộ để phối hợp lập biên bản vi phạm hành chính và xử lý theo thẩm quyền.

4. Phối hợp với Thanh tra đường bộ và các cơ quan chức năng của chính quyền địa phương thực hiện giải tỏa công trình lấn chiếm, sử dụng trái phép hành lang an toàn đường bộ thuộc phạm vi đơn vị trực tiếp quản lý; đồng thời, định kỳ báo cáo cơ quan quản lý đường bộ cấp trên về công tác quản lý hành lang an toàn đường bộ.

Điều 27. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân và các cơ quan khác

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm:

a) Bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, phát hiện và thông báo kịp thời đến cơ quan quản lý đường bộ hoặc Ủy ban nhân dân nơi gần nhất theo địa bàn quản lý các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

b) Chịu trách nhiệm trước pháp luật đối với các hành vi vi phạm quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, đặc biệt trong trường hợp không chấp hành yêu cầu của đơn vị quản lý đường bộ hoặc các cơ quan bảo vệ pháp luật khi tiến hành lập biên bản vi phạm và xử lý vi phạm theo thẩm quyền.

2. Thanh tra đường bộ:

a) Chủ trì, phối hợp với đơn vị quản lý bảo dưỡng tuyến đường xử lý kịp thời các hành vi vi phạm quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ thuộc phạm vi trách nhiệm được giao.

b) Chủ trì, phối hợp với đơn vị quản lý bảo dưỡng tuyến đường hoàn thiện hồ sơ vi phạm hành lang an toàn đường bộ gửi UBND cấp huyện đề nghị cưỡng chế để giải tỏa.

c) Chủ trì, phối hợp với đơn vị quản lý bảo dưỡng tuyến đường hoàn thiện hồ sơ vi phạm công trình đường bộ, lấn, chiếm và sử dụng trái phép đất của đường bộ; xử lý

theo thẩm quyền. Trường hợp hành vi vi phạm gây hậu quả nghiêm trọng, chuyển hồ sơ tới cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

3. Các cơ quan bảo vệ pháp luật ở địa phương trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ theo thẩm quyền; phối hợp với đơn vị quản lý đường bộ trong việc bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

Điều 28. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Giao thông Vận tải chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan và UBND cấp huyện, cấp xã tổ chức triển khai thực hiện Quy định này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có nội dung gì vướng mắc, chưa phù hợp, các cơ quan, đơn vị tổng hợp, gửi bằng văn bản về Sở Giao thông Vận tải để nghiên cứu, tổng hợp báo cáo UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung kịp thời./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Hoàng Văn Trà